

Ngày	11,000 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	17.0%	27.9%	48.6%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,300 - 11,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	357
Số lượng CPLH (CP)	32,496,105
KLGD BQ 20 phiên (CP)	279,785
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.09
EPS	1,664
P/E	6.6

DT thuần

Q1/24

505

tỷ VNĐ

QoQ: ▼229| -31.1%

YoY: ▲ 72.0| 16.7%

LN trước thuế

Q1/24

3.14

tỷ VNĐ

QoQ: ▼64.1| -95.3%

YoY: ▲ 0.06| 1.9%

LN sau thuế

Q1/24

2.51

tỷ VNĐ

QoQ: ▼49.0| -95.1%

YoY: ▲ 0.05| 2.1%

ROA

2023

4.4%

+/- YoY: ▲ 4.3%

DT thuần

2023

2,268

tỷ VNĐ

YoY: ▼969| -29.9%

LN trước thuế

2023

78.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 75.9| 3497%

LN sau thuế

2023

60.2

tỷ VNĐ

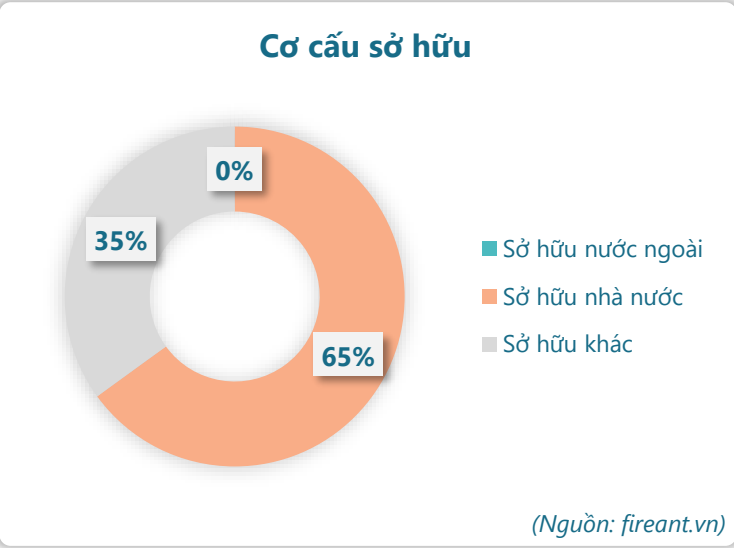
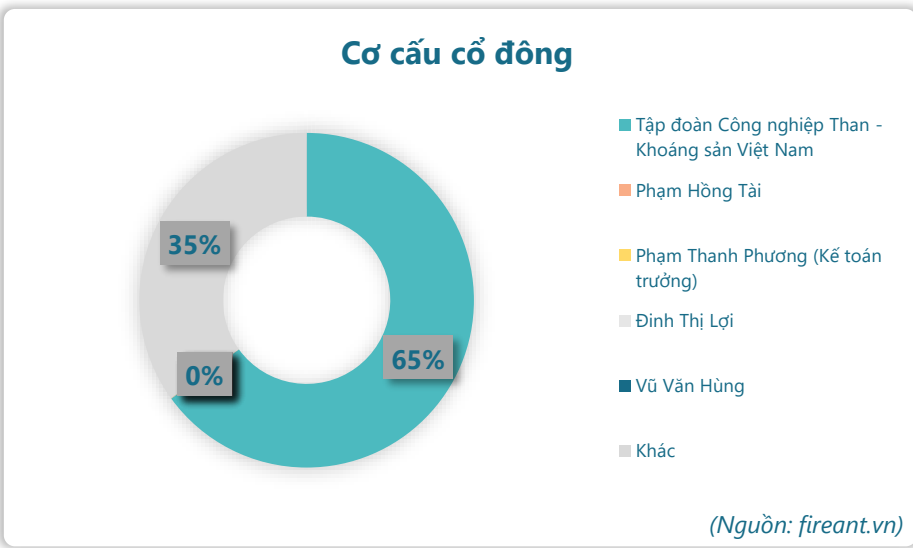
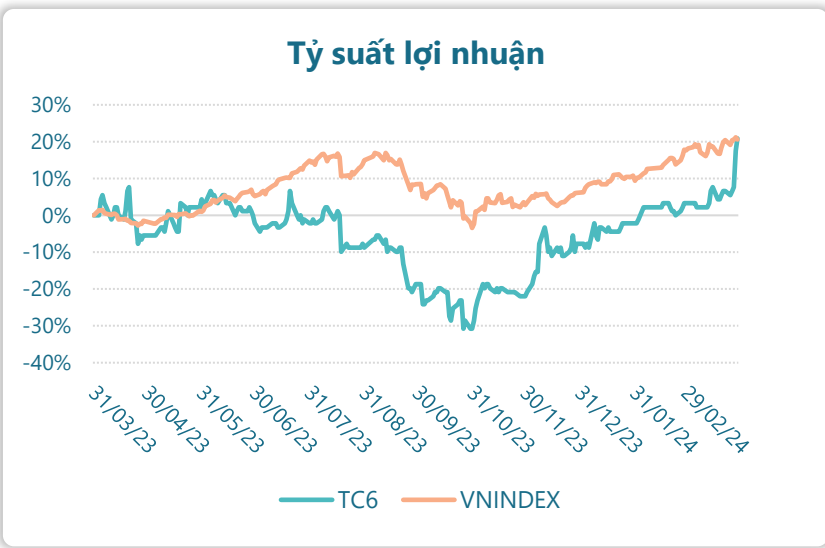
YoY: ▲ 58.6| 3725%

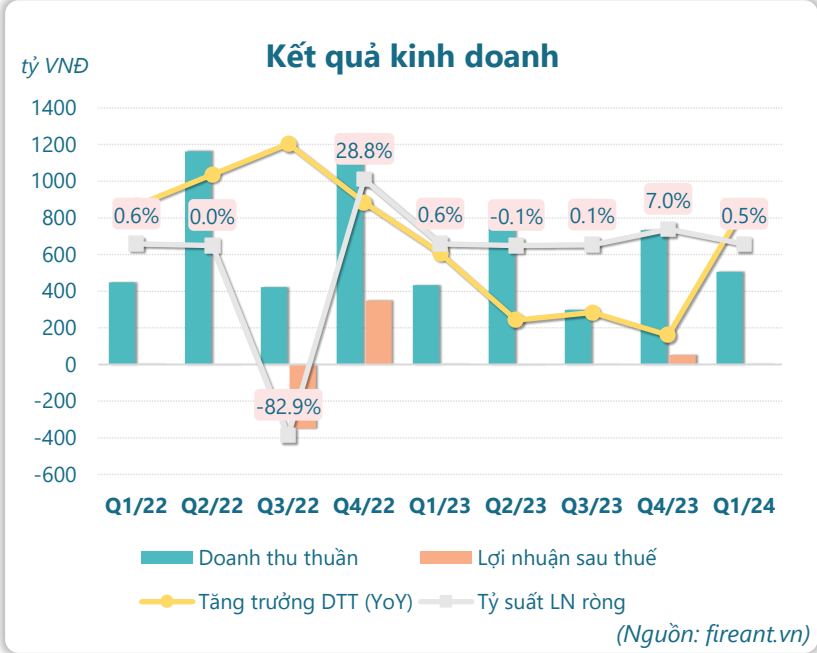
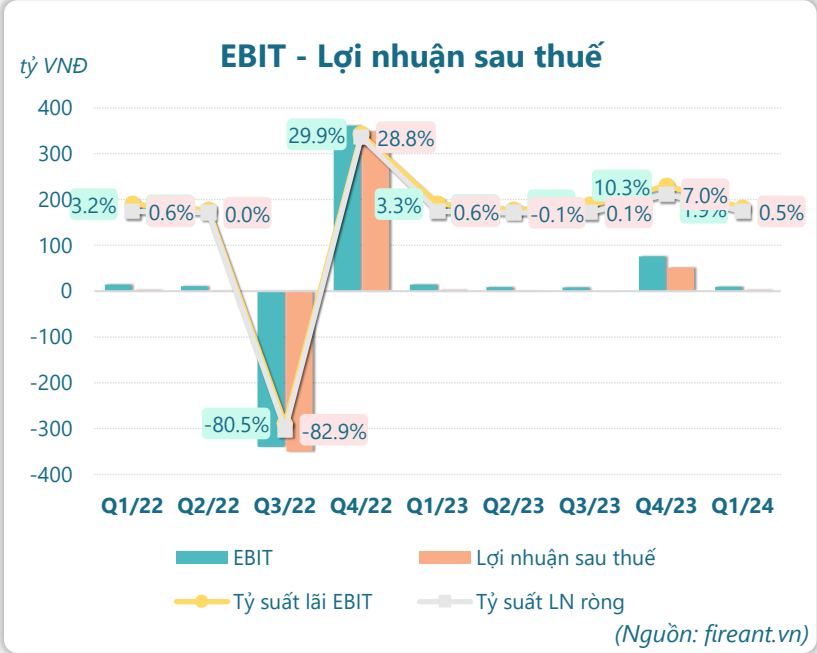
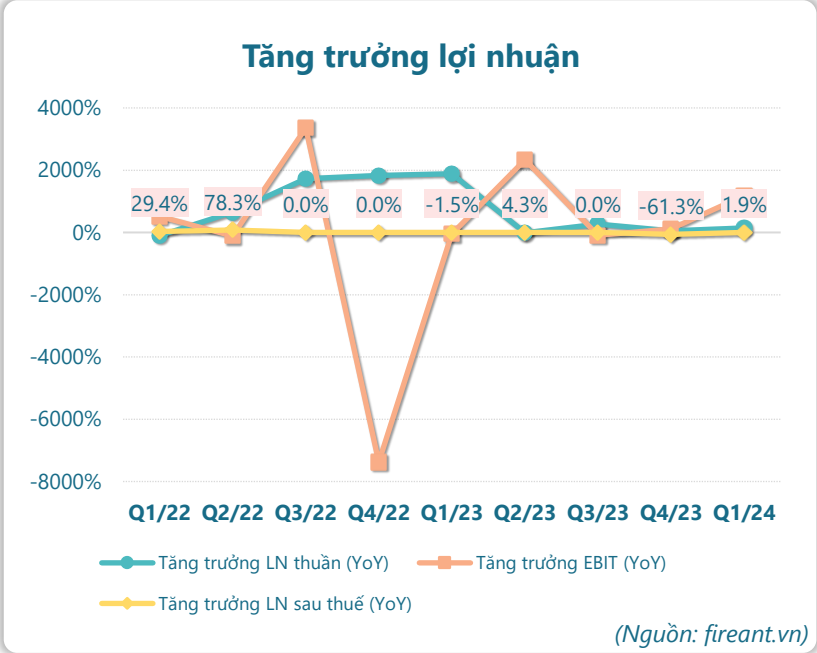
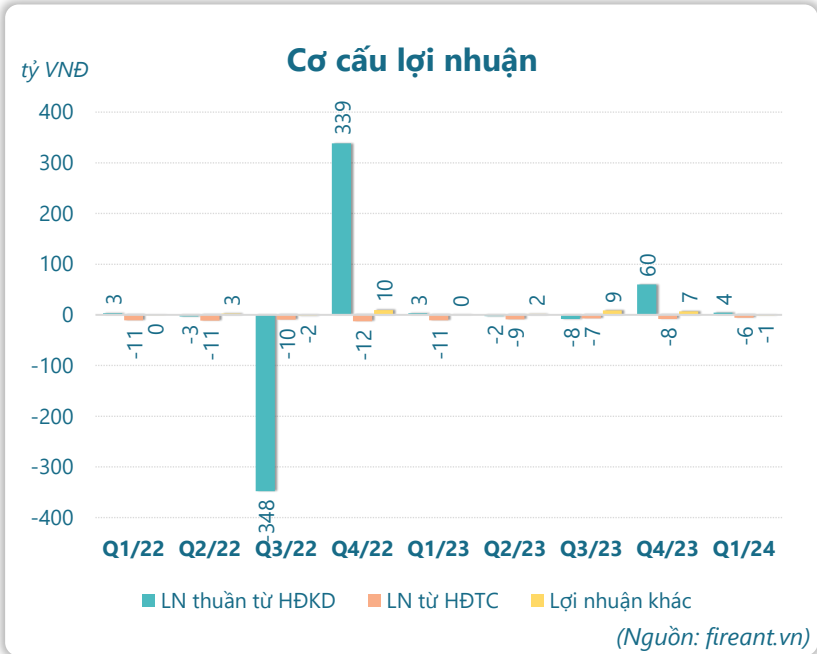
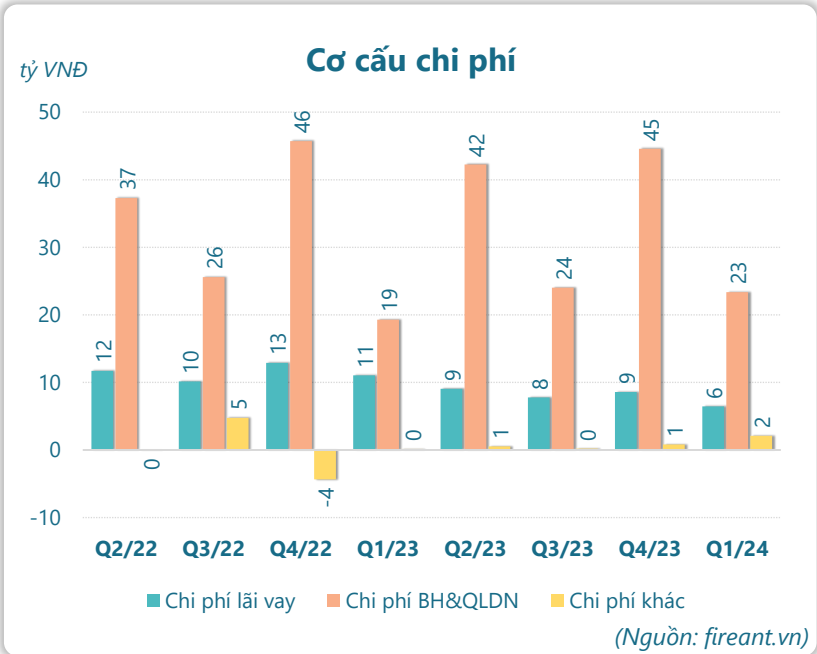
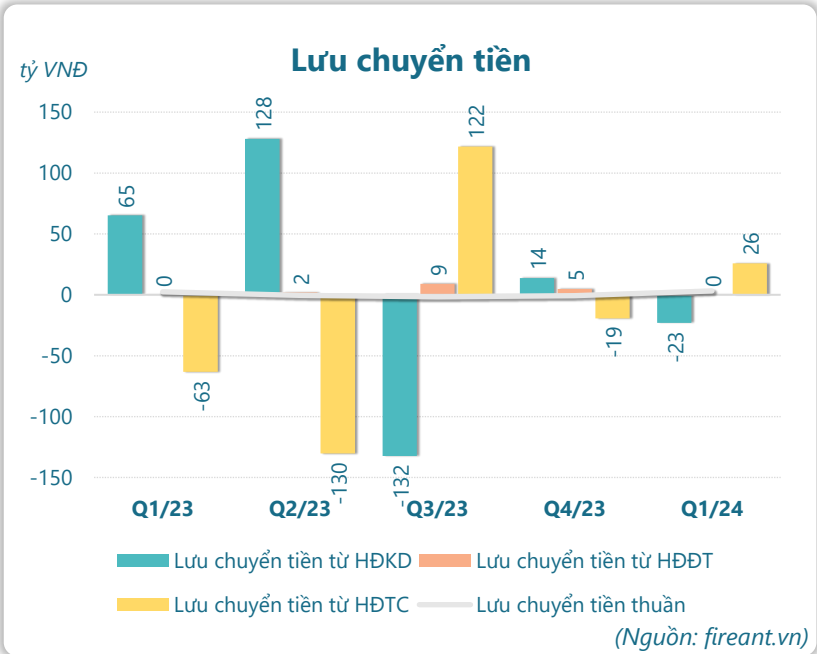
ROE

2023

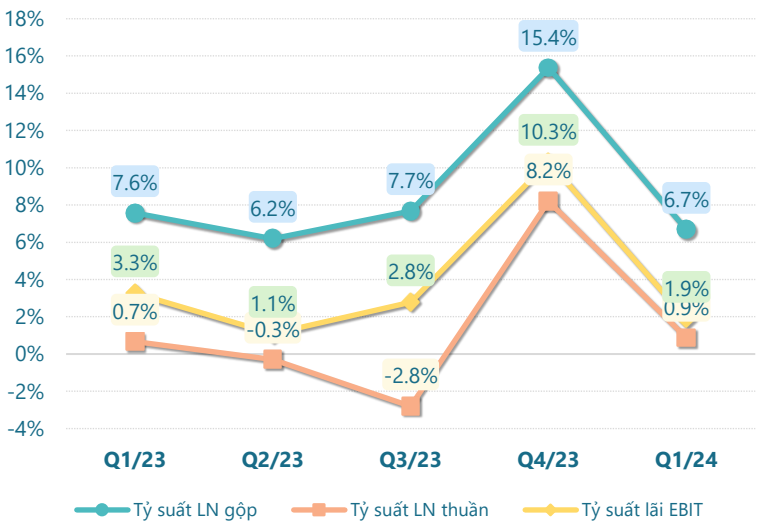
16.6%

+/- YoY: ▲ 16.2%

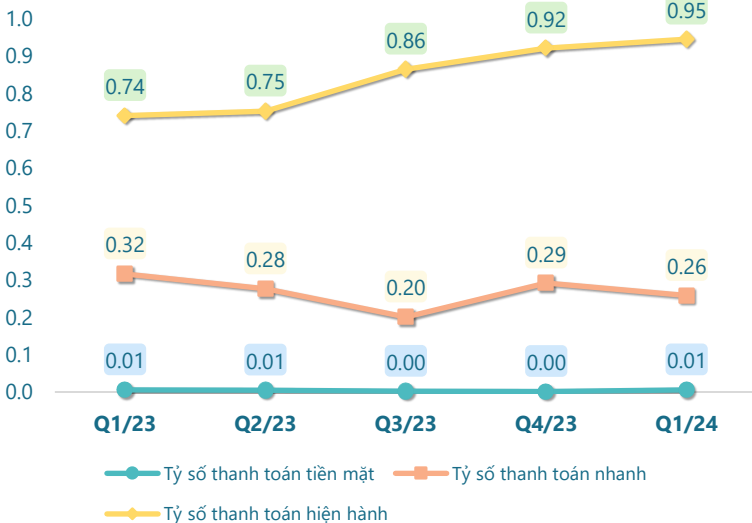




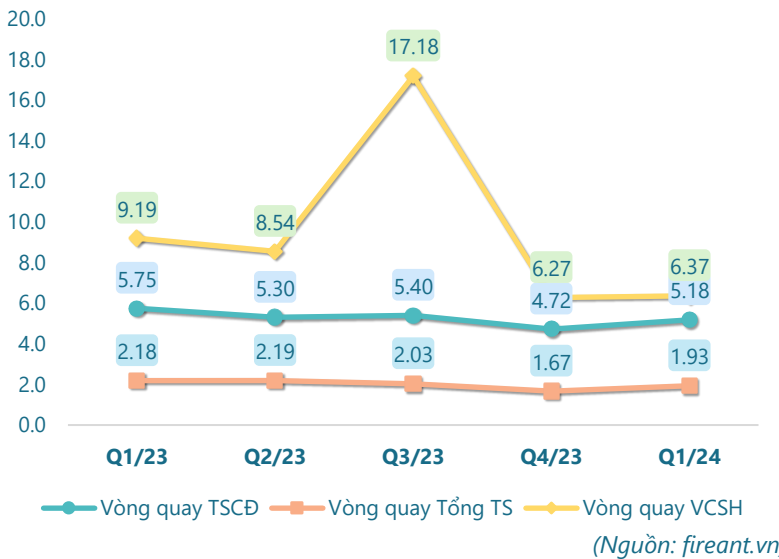
Tỷ suất lợi nhuận



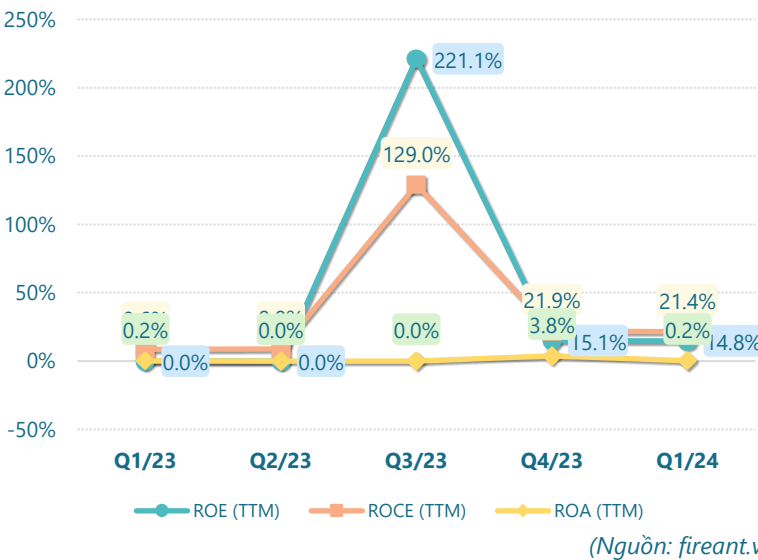
Chỉ số thanh khoản



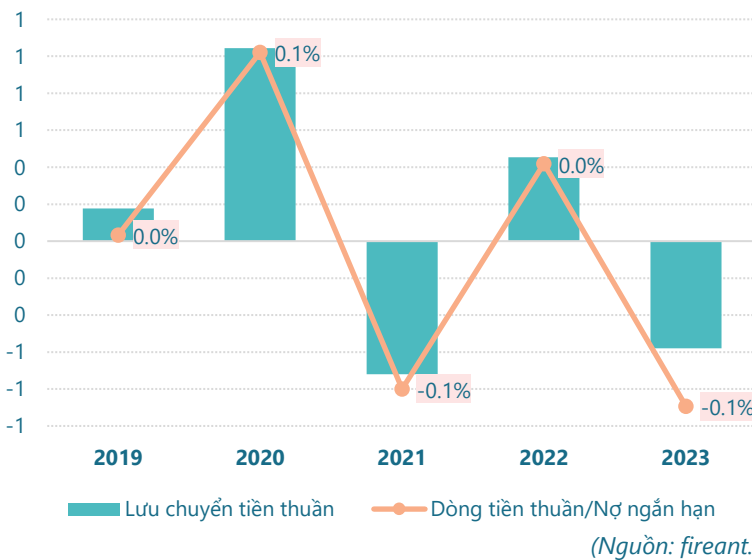
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

